

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYỀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2025/HNGĐ-ST

Ngày 01/04/2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sơn Hải và ông Nguyễn Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 04 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: KP PX, TT NP, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: KP LX II, TT NP, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Ông Toàn có mặt, bà Phẩm vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 26/8/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Duy An (nay là Thị trấn Nam Phước) vào năm 1979. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bà Phẩm nghi ngờ ông ngoại tình nên thường xuyên chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của ông và đập phá đồ đạc trong nhà. Hiện tại ông xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị P.

* Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị Sơn Ca, sinh ngày 29/03/1982; Nguyễn Quốc Việt, sinh ngày 29/7/1985; Nguyễn Quốc Nam, sinh ngày 17/11/1989 và Nguyễn Thị Sơn Hà, sinh ngày 25/5/1993. Các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

* Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến lập ngày 30/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị P trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Quốc T về quan hệ hôn nhân là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Toàn ngoại tình dẫn đến vợ chồng xảy ra lục đục, bất đồng quan điểm sống tuy nhiên vẫn hàn gắn để lo cho con. Đến năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân. Ông Toàn về sinh sống tại khối phố Phước Xuyên, thị trấn Nam Phước từ đó đến nay. Đến tháng 07/2024, vợ chồng tiếp tục gây gổ, ông Toàn đánh bà và giật dây chuyền của bà. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nhưng bà không đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Bà thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn Quốc T.

* Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án; đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Quốc T được ly hôn bà Lê Thị P; về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

- 01 bản chính Giấy công nhận kết hôn;
- 04 bản sao giấy khai sinh của các con;
- 03 bản photo Căn cước công dân;
- 01 bản sao Chứng minh nhân dân;
- 01 bản chính đơn đề nghị xác nhận;
- 01 bản chính xác nhận thông tin về cư trú;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Phẩm.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Duy An (nay là Thị trấn Nam Phước) vào năm 1979 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo lời trình bày của ông Toàn, bà Phẩm thì có căn cứ xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông Toàn và bà Phẩm đã sống ly thân từ nhiều năm nay, phần ai nấy biết, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông bà đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa. Quá trình tố tụng, bà Phẩm đã trình bày ý kiến đồng ý ly hôn nhưng sau đó thay đổi và không đồng ý ly hôn. Xét

thấy tình trạng hôn nhân ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T, cho ông Nguyễn Quốc T được ly hôn bà Lê Thị P.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị Sơn Ca, sinh ngày 29/03/1982; Nguyễn Quốc Việt, sinh ngày 29/7/1985; Nguyễn Quốc Nam, sinh ngày 17/11/1989 và Nguyễn Thị Sơn Hà, sinh ngày 25/5/1993. Các con đều đã trưởng thành, ông Toàn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông Toàn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Quốc T được ly hôn bà Lê Thị P.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Toàn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012341 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên. Ông Toàn đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/4/2025). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Sơn Hải

Nguyễn Trường Sơn

Võ Thị Tám

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- VKSND Duy Xuyên;
- THADS Duy Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND TTNP;
- Lưu: HS, AV.

Võ Thị Tám